

Hà Nội, ngày **25** tháng **7** năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Hợp đồng thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Thực hiện Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt cơ chế thực hiện thi điểm thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị các nhà máy nhiệt điện trong giai đoạn 2012 - 2025;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư Quy định trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Hợp đồng thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Hợp đồng thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ các dự án nhà máy nhiệt điện được ký giữa Chủ đầu tư với nhà thầu trong nước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Chủ đầu tư các dự án nhà máy nhiệt điện được Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện thực hiện thi điểm thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện được quy định tại Quyết định 1791/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định 1791) và chủ

đầu tư các dự án nhà máy nhiệt điện khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Các doanh nghiệp cơ khí trong nước tham gia thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện được quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định 1791 và doanh nghiệp được Bộ Công Thương quyết định bổ sung;

c) Các đơn vị tư vấn trong nước được quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định 1791 và các đơn vị tư vấn nước ngoài được lựa chọn để tham gia thực hiện thiết kế, chế tạo thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Liên danh nhà thầu trong nước thực hiện thiết kế, chế tạo thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện* (sau đây gọi tắt là Liên danh) là tổ hợp từ 02 đơn vị trở lên, gồm tư vấn thiết kế, chế tạo và doanh nghiệp cơ khí trong nước, được quy định tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 1 của Quyết định 1791 và doanh nghiệp được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung.

2. *Chủ đầu tư* là chủ đầu tư các dự án nhà máy nhiệt điện có thiết bị phụ được giao thực hiện thiết kế, chế tạo trong nước theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

3. *Tư vấn thiết kế nước ngoài* là tổ chức, cá nhân tư vấn thiết kế nước ngoài được Liên danh lựa chọn để cung cấp bản quyền thiết kế, chuyển giao công nghệ thiết kế và trợ giúp thiết kế, chế tạo thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện.

4. *Nhà cung cấp vật tư, thiết bị nước ngoài* là nhà thầu nước ngoài được Liên danh lựa chọn để cung cấp vật tư, thiết bị đơn lẻ mà trong nước chưa sản xuất được, để tổ hợp và đồng bộ theo thiết kế, chế tạo của hạng mục thiết bị, đối với các dự án quy định tại điểm b khoản 1 mục 1 của Quyết định 1791 phải kèm theo điều kiện chuyển giao công nghệ thiết kế, chế tạo.

5. *Hợp đồng thiết kế, chế tạo thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện* (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) là thoả thuận bằng văn bản giữa Chủ đầu tư và Liên danh để thực hiện thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện.

Điều 3. Danh mục dự án và Danh mục các hạng mục thiết bị phụ thực hiện thiết kế, chế tạo trong nước

1. Danh mục dự án

a) Các dự án nhà máy nhiệt điện: Quỳnh Lập 1, Sông Hậu 1, Quảng Trạch 1 thực hiện theo Quyết định 1791;

b) Các dự án nhà máy nhiệt điện khác thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Các dự án nhà máy nhiệt điện thực hiện theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Vận hành - Chuyển giao (sau đây gọi tắt là dự án nhiệt điện BOT).

2. Danh mục các hạng mục thiết bị phụ

Danh mục các hạng mục thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện được giao thực hiện thiết kế, chế tạo trong nước theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định 1791.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT HỢP ĐỒNG THIẾT KẾ, CHẾ TẠO TRONG NƯỚC THIẾT BỊ PHỤ NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN

Điều 4. Trình tự, thủ tục phê duyệt Liên danh nhà thầu thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện

1. Đề xuất Liên danh

a) Nội dung hồ sơ đề xuất

Căn cứ phạm vi và khối lượng công việc thiết kế, chế tạo thiết bị phụ của từng dự án cụ thể, Viện Nghiên cứu Cơ khí thống nhất với Chủ đầu tư các dự án quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 của Thông tư này và các doanh nghiệp cơ khí, trình Bộ Công Thương 01 (một) bộ hồ sơ trình phê duyệt Liên danh thực hiện thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ cho dự án. Hồ sơ gồm các nội dung chính sau:

- Phân công công việc của Liên danh và các doanh nghiệp thành viên trong Liên danh theo hướng chuyên thiết kế chế tạo một số loại thiết bị phụ, phù hợp với năng lực;

- Tờ trình phê duyệt Liên danh theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Danh sách doanh nghiệp thành viên trong Liên danh, người đứng đầu Liên danh;

- Hồ sơ năng lực các doanh nghiệp;

- Kế hoạch thực hiện thiết kế, chế tạo thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện.

b) Hình thức nộp hồ sơ: nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

2. Phê duyệt Liên danh

- a) Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Năng lượng phải có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi nội dung trong hồ sơ nếu hồ sơ trình phê duyệt Liên danh chưa đầy đủ để thẩm định;

b) Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Tổng cục Năng lượng, Viện Nghiên cứu Cơ khí có trách nhiệm bổ sung đầy đủ hồ sơ trình phê duyệt Liên danh;

c) Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Tổng cục Năng lượng xem xét, trình Bộ Công Thương phê duyệt danh sách các Liên danh tham gia thực hiện thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ cho dự án nhà máy nhiệt điện.

3. Tham gia của tư vấn thiết kế nước ngoài vào Liên danh

a) Viện Nghiên cứu Cơ khí thống nhất với các thành viên Liên danh đề xuất nhà thầu phụ tư vấn thiết kế nước ngoài để hỗ trợ thiết kế, chế tạo và chuyển giao công nghệ thiết kế, chế tạo các thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện do Liên danh chịu trách nhiệm thiết kế, chế tạo;

b) Liên danh thoả thuận với Chủ đầu tư về phạm vi, giá trị công việc do tư vấn thiết kế nước ngoài đảm nhận để tổng hợp trong hồ sơ đề xuất của Liên danh.

Điều 5. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu dự án

1. Đối với các dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Thông tư

a) Lập kế hoạch đấu thầu

Chủ đầu tư có trách nhiệm lập và trình Bộ Công Thương kế hoạch đấu thầu các dự án, trong đó các hạng mục thiết bị phụ nêu tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này được tách thành một hoặc nhiều gói thầu để giao cho các Liên danh thực hiện;

Nội dung kế hoạch đấu thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định 1791 và Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

b) Thẩm định, thông qua kế hoạch đấu thầu

Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, trên cơ sở hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Tổng cục Năng lượng có trách nhiệm tổ chức thẩm định, trình Bộ Công Thương thông qua kế hoạch đấu thầu dự án;

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Bộ Công Thương thông qua kế hoạch đấu thầu, Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án.

2. Đối với các dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Thông tư

Chủ đầu tư có trách nhiệm lập và trình Bộ Công Thương thông qua kế hoạch đấu thầu các gói thầu được giao Liên danh thực hiện thiết kế, chế tạo

trong nước thiết bị phụ nhà máy điện. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu các gói thầu được áp dụng như quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Lập Hợp đồng thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ các dự án thực hiện theo Quyết định 1791

Trên cơ sở Hồ sơ yêu cầu do Chủ đầu tư phát hành, Liên danh lập Hồ sơ đề xuất gửi Chủ đầu tư đánh giá và các Bên tiến hành thương thảo Hợp đồng. Nội dung Hợp đồng cần có một số nội dung chính như sau:

1. Phạm vi Hợp đồng

Phạm vi Hợp đồng bao gồm toàn bộ các công việc liên quan đến công tác thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện, gồm 2 phần chính sau:

a) Các hàng hóa, dịch vụ trong nước, gồm: Tư vấn thiết kế, chế tạo; Công tác gia công, chế tạo thiết bị do các doanh nghiệp cơ khí thực hiện; Vận chuyển thiết bị chế tạo đến chân công trình; Giám sát, chỉ dẫn lắp đặt thiết bị; Chạy thử nghiệm thu các hệ thống thiết bị chế tạo và các công việc khác theo thỏa thuận;

b) Các hàng hóa, dịch vụ nước ngoài, gồm: Tư vấn thiết kế nước ngoài, mua bản quyền thiết kế, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ thiết kế, chế tạo; Các loại vật tư, vật liệu, thiết bị, linh kiện trong nước chưa sản xuất được cần phải mua để gia công, chế tạo, tổ hợp và các công việc khác theo thỏa thuận.

2. Xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ và đồng tiền sử dụng

a) Các hàng hóa, dịch vụ trong nước

- Giá hàng hóa, dịch vụ được xác định trên cơ sở khối lượng công việc thiết kế, chế tạo và định mức dự toán chuyên ngành thiết kế, chế tạo thiết bị nhà máy nhiệt điện ban hành tại Quyết định 2572/QĐ-BCT ngày 23 tháng 4 năm 2013, dữ liệu cơ sở xác định giá ca máy lập đơn giá chế tạo thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện được công bố tại văn bản số 4233/BCT-TCNL ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Công Thương;

- Chi phí vận chuyển thiết bị đến chân công trình được tính toán trên cơ sở các quy định hiện hành liên quan.

b) Các hàng hóa, dịch vụ nước ngoài

Đối với vật tư, vật liệu, thiết bị, linh kiện trong nước chưa sản xuất được (Liên danh nhập khẩu trực tiếp hoặc mua lại từ thị trường trong nước đã nhập khẩu):

- Giá để tính trong giá trị Hợp đồng thiết kế, chế tạo được tạm tính trên cơ sở tham khảo giá của thiết bị tương tự cùng chủng loại đã thực hiện hoặc báo giá của các nhà cung cấp vật tư, thiết bị tại thời điểm lập dự toán;

- Giá nghiệm thu, thanh toán căn cứ theo hợp đồng ký kết giữa Liên danh và Nhà cung cấp vật tư, thiết bị nước ngoài (do Liên danh lựa chọn theo hình thức chào hàng cạnh tranh và được Chủ đầu tư chấp thuận).

c) Đồng tiền sử dụng

- Đối với các hàng hóa, dịch vụ trong nước và vật tư, vật liệu, thiết bị, linh kiện trong nước chưa sản xuất được phải mua lại từ nhà nhập khẩu trong nước: là Việt Nam đồng (VNĐ);

- Đối với vật tư, vật liệu, thiết bị, linh kiện mua từ nước ngoài và tư vấn thiết kế nước ngoài: là USD (được quy đổi về VNĐ tại thời điểm ký hợp đồng).

d) Thực hiện chiết giảm 5% giá trị hợp đồng đối với các gói thầu thực hiện theo hình thức chỉ định thầu.

3. Hình thức Hợp đồng thiết kế, chế tạo

Hợp đồng thiết kế, chế tạo là hình thức hợp đồng kết hợp theo phạm vi các công việc trong Hợp đồng, gồm:

a) Đối với các hàng hóa, dịch vụ trong nước thực hiện là hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh. Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện khi có quyết định điều chỉnh đơn giá nhân công, nguyên vật liệu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

b) Đối với các dịch vụ tư vấn thiết kế, chế tạo nước ngoài thực hiện là hợp đồng theo thời gian và theo đơn giá cố định;

c) Đối với vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước chưa sản xuất được phải nhập khẩu trực tiếp hoặc mua lại từ nhà nhập khẩu trong nước là hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Hồ sơ trình thông qua Hợp đồng thiết kế, chế tạo thiết bị

1. Chủ đầu tư trình Tổng cục Năng lượng bộ Hồ sơ đề nghị thông qua Hợp đồng, bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị thông qua Hợp đồng theo nội dung được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) bộ dự thảo Hợp đồng đã được các bên ký nháy, kèm theo văn bản liên quan gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư, quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu, phân công Liên danh thực hiện thiết kế, chế tạo, biên bản thương thảo hợp đồng giữa Chủ đầu tư và Liên danh.

2. Hình thức nộp hồ sơ: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Điều 8. Thông qua Hợp đồng thiết kế, chế tạo thiết bị

1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Tổng cục Năng lượng có ý kiến đối với Hợp đồng thiết kế, chế tạo thiết bị. Trong trường hợp quá thời hạn trên, Tổng cục Năng lượng không có ý kiến thì Hợp đồng thiết kế, chế tạo thiết bị được thông qua.

2. Trường hợp Tổng cục Năng lượng có ý kiến đối với Hợp đồng thì trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Tổng cục Năng lượng, Chủ đầu tư phải có ý kiến giải trình gửi Tổng cục Năng lượng trước khi ký chính thức Hợp đồng.

Điều 9. Lập hợp đồng thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ các dự án nhiệt điện khác thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Trên cơ sở Liên danh đã được Bộ Công Thương phê duyệt, Chủ đầu tư các dự án nhiệt điện có trách nhiệm ký hợp đồng với các Liên danh để tổ chức thực hiện công tác thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ của dự án.

2. Chủ đầu tư yêu cầu tổng thầu thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (sau đây gọi là tổng thầu EPC, đối với trường hợp dự án thực hiện theo hình thức tổng thầu EPC), nhà thầu cung cấp thiết bị chính (trong trường hợp dự án không thực hiện theo hình thức tổng thầu EPC) có trách nhiệm đưa ra các yêu cầu kỹ thuật - công nghệ cho thiết bị phụ sẽ được thiết kế, chế tạo trong nước và quản lý giao diện giữa các hạng mục thiết bị chính với thiết bị phụ.

3. Các nội dung chính cần có của Hợp đồng được áp dụng như quy định tại Điều 6 Thông tư này. Riêng đối với vật tư, vật liệu, thiết bị, linh kiện trong nước chưa sản xuất được, giá nghiệm thu, thanh toán căn cứ kết quả lựa chọn Nhà cung cấp vật tư, thiết bị nước ngoài theo quy định hiện hành.

4. Hồ sơ, trình tự thông qua Hợp đồng được áp dụng như quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này.

Điều 10. Lập hợp đồng thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ các dự án nhiệt điện BOT

1. Bộ Công Thương thỏa thuận với Chủ đầu tư dự án nhiệt điện BOT về danh mục các hạng mục thiết bị phụ sẽ thiết kế, chế tạo trong nước và phê duyệt Liên danh thực hiện.

2. Chủ đầu tư các dự án nhiệt điện BOT có trách nhiệm ký hợp đồng với các Liên danh đã được Bộ Công Thương phê duyệt để tổ chức thực hiện công tác thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ của dự án.

3. Chủ đầu tư thực hiện việc đưa ra các yêu cầu kỹ thuật - công nghệ cho thiết bị phụ và quản lý giao diện giữa các hạng mục thiết bị chính và thiết bị phụ được áp dụng như quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư này.

4. Các nội dung chính cần có của Hợp đồng, giá nghiệm thu, thanh toán đối với vật tư, vật liệu, thiết bị, linh kiện trong nước chưa sản xuất được áp dụng như quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này.

Điều 11. Chế độ báo cáo việc thực hiện Hợp đồng

Định kỳ hàng quý, Liên danh có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Năng lượng - Bộ Công Thương tình hình thực hiện thiết kế, chế tạo trong nước các thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện được giao thực hiện. Nội dung báo cáo được quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2014.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Năng lượng có trách nhiệm theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Chủ đầu tư các dự án nhà máy nhiệt điện, các doanh nghiệp thiết kế, chế tạo cơ khí và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Tổng cục Năng lượng để tổng hợp, đề xuất Bộ Công Thương xem xét sửa đổi, bổ sung Thông tư./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tập đoàn Điện lực VN;
- Tập đoàn Dầu khí VN;
- Tập đoàn CN Than-Khoáng sản VN;
- Viện Nghiên cứu Cơ khí VN;
- Chủ đầu tư các dự án nhiệt điện BOT;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Cục kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ; Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, PC, TCNL.



Lê Dương Quang

PHỤ LỤC 1. MẪU TỜ TRÌNH PHÊ DUYỆT LIÊN DANH

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 23/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Hợp đồng thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ TRÌNH

V/v Phê duyệt Liên danh thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện

Đơn vị trình:

Nơi nhận:

Nội dung trình: Hồ sơ đề nghị phê duyệt Liên danh thiết kế, chế tạo thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện.

Tên dự án:

Chủ đầu tư:

Đại diện Chủ đầu tư:

Liên danh:

Hạng mục:

Danh mục tài liệu, văn bản liên quan:

....., Ngày tháng..... năm 20...

Đại diện Đơn vị trình
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 2. MẪU TỜ TRÌNH THÔNG QUA HỢP ĐỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 23/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Hợp đồng thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Hợp đồng thiết kế, chế tạo
thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện

Đơn vị trình:

Nơi nhận:

Nội dung trình: Hồ sơ Hợp đồng thiết kế, chế tạo thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện.

Tên dự án:

Chủ đầu tư:

Đại diện Chủ đầu tư:

Đại diện Liên danh nhà thầu:

Tóm tắt các thông tin chính của Hợp đồng: Nội dung phạm vi công việc, giá trị hợp đồng, thời gian thực hiện.

Danh mục tài liệu, văn bản liên quan:

....., Ngày tháng..... năm 20...

Đại diện Chủ đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3. MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 23/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Hợp đồng thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị phụ nhà máy nhiệt điện)

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG (Quý/.....)

Nhận ngày:
□./□./20

Kỳ: □□.

Nơi nhận báo cáo:

1. Tổng cục Năng Lượng - Bộ Công Thương

1.	Tên dự án:..... Tên Hợp đồng:..... Số hợp đồng:..... Của Gói thầu:.....	2. Ngày báo cáo .../.../20.. Kỳ:.....			
3.	Doanh nghiệp lập báo cáo: Viện Nghiên cứu Cơ khí-NARIME				
4.	Thời gian thực hiện: ... tháng từ /.../20.. đến ... /.../20..				
5.	Tổng kinh phí hợp đồng:triệu đồng				
6.	Tình hình thực hiện các nội dung, công việc chính trong kỳ báo cáo tính từ ngày...../...../20... đến ngày báo cáo (theo nội dung và tiến độ ghi trong Hợp đồng, chi tiết theo Mẫu số 01)				
	Theo kế hoạch trong hợp đồng	Thực hiện (đánh dấu "X" vào các cột tương ứng)			
		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 33%; text-align: center;">Hoàn thành</td> <td style="width: 33%; text-align: center;">Đang thực hiện</td> <td style="width: 33%; text-align: center;">Chưa thực hiện</td> </tr> </table>	Hoàn thành	Đang thực hiện	Chưa thực hiện
Hoàn thành	Đang thực hiện	Chưa thực hiện			
	<i>a. Các nội dung công việc theo kế hoạch hoàn thành trong kỳ báo cáo</i>				
	1. Sản phẩm thứ 1: 1.1..... 1.2.....				

8.	Tình hình tạm ứng, thanh toán nghiệm thu tính đến ngày báo cáo:	
	<p>a) Tổng kinh phí được cấp tới thời điểm báo cáo:</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tạm ứng: - Giá trị thanh toán cho khối lượng công việc hoàn thành: <p>b) Giá trị hợp đồng còn lại chưa thực hiện</p>	<p>..... triệu đồng</p> <p>..... triệu đồng</p> <p>..... triệu đồng</p> <p>..... triệu đồng</p>
9	<p>Những vấn đề tồn tại cần giải quyết</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
10	<p>Dự kiến những công việc cần triển khai tiếp trong kỳ tới</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
11	<p>Đề xuất; Kiến nghị</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
	<p>Người lập báo cáo (Ký, ghi rõ họ tên)</p>	<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</p>

Mẫu số 01. CÁC NỘI DUNG ĐÃ HOÀN THÀNH

*Hợp đồng số:.....
(Kèm theo Báo cáo định kỳ ngày tháng năm 200...)*

a/ Trong kỳ báo cáo:

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Mức chất lượng (các chỉ tiêu KT-KT) đạt được so với đăng ký trong hợp đồng
1	2	3	4
1	Sản phẩm 1		
2	Sản phẩm 2		
		

b/ Luỹ kế đến ngày báo cáo (Bao gồm các sản phẩm đã hoàn thành của các kỳ báo cáo trước + kỳ này)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Mức chất lượng (các chỉ tiêu KT-KT) đạt được so với đăng ký trong hợp đồng
1	2	3	4